

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST

Ngày: 24/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Võ Thanh Đức

2/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

CHÂU THANH N; Sinh năm: 1989; Nơi sinh: Bình Thuận;

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Châu Thanh Q, sinh năm: 1964 và bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm: 1968; Vợ: Trần Thị P, sinh năm: 1990 (Đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2009; Tiền sự: Không.

Tiền án:

1/ Ngày 17/06/2011, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 89/2011/HSST).

2/ Ngày 22/08/2011, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 144/2011/HSST).

3/ Ngày 29/09/2011, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 182/2011/HSST).

4/ Ngày 07/06/2012, bị TAND thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt tù của cả 03 bản án trên, buộc Châu Thanh N phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 03 tháng tù (Bản án số: 81/2012/HSST).

5/ Ngày 22/4/2016, bị TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm

tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số: 253/2016/HSST). Đến ngày 15/01/2018, Châu Thanh N chấp hành xong án phạt tù (theo Giấy chứng nhận số 54/GCN của Giám thị Trại giam Thủ Đức).

Bị cáo bị bắt ngày **07/10/2018** theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp số 1727 ngày 07/10/2018 của Cơ quan CSĐT công an thị xã L.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày **07/10/2018** đến ngày **16/10/2018**, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 1818 ngày 16/10/2018 của Cơ quan CSĐT công an thị xã L.

Bị cáo hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 01/2019/HSST-LCCT ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Bị hại: Nguyễn Quang D**, sinh năm: 1980 - Nơi cư trú: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

****Người làm chứng:***

1/ **Nguyễn Thị Mỹ A**, sinh năm: 1987 - Nơi cư trú: Thôn An Bình, xã Sông Phan, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

2/ **Phan Kim T**, sinh năm: 1980 - Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 06/10/2018, bị cáo Châu Thanh N chở chị Nguyễn Thị Mỹ A xuống phường T để khám thai. Khi đến ngã tư Đá Dựng thì cả hai xảy ra mâu thuẫn nên N xuống xe để A chạy xe đi một mình. Một lát sau, N thuê xe ôm lên tìm A nhưng không thấy. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi N đi xe ôm ngang qua nhà anh Nguyễn Quang D thuộc khu phố 5, phường T, thị xã L, thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Suzuki màu xanh, BKS 52Y3 - 1636 đang dựng trước nhà nhưng không có người trông coi và trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định này, N nói người xe ôm quay xe lại, trả tiền xe rồi đi đến lấy trộm xe của anh Duy và điều khiển xe tẩu thoát về hướng Ngã ba 46 huyện Hàm Tân. Ngay lúc này, anh D phát hiện bị mất xe nên báo Công an phường T trích xuất camera thì biết đối tượng chạy theo hướng Ngã ba 46 nên cùng bạn là anh Phan Kim T đuổi theo. Sau khi tẩu thoát, N điều khiển xe lên thị trấn T, huyện H tìm Nguyễn Thị Mỹ A (bạn gái N), sau đó chở chị A đi về hướng Căn cứ 6. Khi đang dừng đỗ xăng tại khu vực này, thì N bị anh D, anh T và người dân bắt giữ trình báo Công an thị trấn Tân Minh đến lập biên bản, còn anh Duy lấy xe về trước. Đến ngày 07/10/2018, anh Duy giao nộp xe cho Cơ quan CSĐT Công an thị xã L để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 92/KL-ĐGTS ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã L, tỉnh Bình Thuận kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu xanh, dung tích: 124, biển số: 52Y3-1636, số khung:

U120U-2XA43742, số máy: F124-143742, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là: **21.000.000** đồng.

Về vật chứng vụ án: Ngày 27/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an thị xã L đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu xanh, dung tích: 124, biển số: 52Y3-1636, số khung: U120U-2XA43742, số máy: F124-143742 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0480133 cho anh Nguyễn Quang D.

Về dân sự: Bị hại anh Nguyễn Quang D đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo Châu Thanh N bồi thường gì thêm về phần dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 24/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Châu Thanh N, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ N quyết định truy tố đối với bị cáo Châu Thanh N như nội dung cáo trạng nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Châu Thanh N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt: Bị cáo Châu Thanh N, mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Tại phiên tòa, bị cáo Châu Thanh N khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND thị xã L truy tố là hoàn toàn đúng với các hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Bị cáo Châu Thanh N không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

* *Bị cáo Châu Thanh N, nói lời sau cùng:* Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại Tòa, bị cáo Châu Thanh N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, đối chiếu với

các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ khẳng định: Vào khoảng 20 giờ ngày 06/10/2018, tại nhà anh Nguyễn Quang D thuộc khu phố 5, phường T, thị xã L, bị cáo Châu Thanh N đã có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Suzuki màu xanh, biển số 52Y3 - 1636 của anh Nguyễn Quang D đang dựng trước nhà, rồi tẩu thoát về hướng Ngã ba 46 huyện Hàm Tân. Sau đó, N điều khiển xe lên thị trấn T, huyện H tìm và chở chị Nguyễn Thị Mỹ A đi về hướng Căn cứ 6, khi đang dừng đỗ xăng tại khu vực này, thì N bị anh D, anh Phan Kim T và người dân bắt giữ cùng tang vật, rồi trình báo Công an thị trấn T đến lập biên bản.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 92/KL-DGTS ngày 12/10/2018 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã L, tỉnh Bình Thuận kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, màu xanh, dung tích: 124, biển số: 52Y3-1636, số khung: U120U-2XA43742, số máy: F124-143742, đã qua sử dụng, giá trị còn lại là: **21.000.000** đồng.

Hành vi trên của bị cáo Châu Thanh N đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét, bị cáo Châu Thanh N có nhân thân rất xấu, với 05 tiền án đều về tội: "Trộm cắp tài sản". Hơn nữa, tại bản án hình sự sơ thẩm số 253/2016/HSST ngày 22/4/2016 của TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng tình tiết "Tái phạm" đối với bị cáo. Đến ngày 15/01/2018, Châu Thanh N chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, mặc dù bị cáo chưa được xóa án tích theo luật định, nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm". Đây là tình tiết định khung hình phạt của tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Châu Thanh N về tội danh, điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, để nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, chây lười lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Thanh N gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Do đó, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, cần xử lý nghiêm khắc, để răn đe giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Hoàn cảnh gia đình khó khăn; Tài sản đã được thu hồi kịp thời trả cho chủ sở hữu. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã L đã giải quyết xong về vật chứng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Quang D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo Châu Thanh N bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Châu Thanh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] **Tuyên bố:** Bị cáo Châu Thanh N, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Điểm g Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Châu Thanh N **03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày **07/10/2018** đến ngày **16/10/2018**.

[2] **Về án phí:** Áp dụng: Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Châu Thanh N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng: Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND tỉnh Bình Thuận;*
- *CA tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã L;*
- *THADS thị xã L;*
- *Công an thị xã L;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*
- *UBND địa phương nơi BC cư trú.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình